TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN NAM TỪ LIÊM** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số **262**/2019/QĐST-HNGĐ	*Nam Từ Liêm, ngày 20 tháng 9 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NAM TỪ LIÊM

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 367/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- **Ông Đỗ Văn D,** sinh năm 1962;
- **Bà Cao Thị Phương T,** sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: P501 – ĐN1, nhà A, khu nhà ở gia đình sỹ quan, Nhân Mỹ, phường Mỹ Đình 1, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 27/9/1992 tại Uỷ ban nhân dân xã Toàn Thắng, huyện Kim Thi, tỉnh Hải Hưng (Nay là xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên), đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ và không duy trì quan hệ vợ chồng, dẫn đến cuộc sống gia đình không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay cả hai đều đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, Trung tâm hòa giải- Đối thoại tại Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm đã tiến hành hòa giải

để vợ chồng đoàn tụ, nhưng cả ông D và bà T vẫn giữ quan điểm xin được ly hôn và cùng nhất trí đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

[2] Xét đơn yêu cầu và các thỏa thuận khác của các đương sự:

- Về con chung: Ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T có 01 con chung là Đỗ Tiểu Hồng, sinh ngày 03/11/1995. Con Đỗ Tiểu Hồng đã trưởng thành, ở với ai là quyền của con.

- Về tài sản chung: Ông D, bà T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về vay nợ chung: Không có.

- Về lệ phí: Ông Đỗ Văn D tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm.

[3] Xét thấy, ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận được với nhau về toàn bộ các mối quan hệ hôn nhân và gia đình, không có tranh chấp về con và không có tranh chấp về tài sản chung, nợ chung.

Xét việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ngày 10/9/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ghi nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T;

- Về con chung: Ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T có 01 con chung là Đỗ Tiểu Hồng, sinh ngày 03/11/1995. Con Đỗ Tiểu Hồng đã trưởng thành, ở với ai là quyền của con.

- Về tài sản chung: Ông D, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về vay nợ chung: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Đỗ Văn D và bà Cao Thị Phương T mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm, ghi nhận sự tự nguyện của ông D

tự nguyện chịu cả 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng ông đã nộp theo Biên lai số AK/2010/0008754 ngày 10/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Nam Từ Liêm. Ông D, bà T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Nam Từ Liêm;
- Chi cục THADS Q.Nam Từ Liêm;
- UBND xã Toàn Thắng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên (GCNKH số 47 ngày 27/9/1992);
- Lưu HS, VP.

Chu Thành Công